TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Ân

Ông Phạm Công Luận

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Yến Linh, Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh U, sinh năm: 1976; nơi cư trú: ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn T, sinh năm: 1974; nơi cư trú: ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/8/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Huỳnh U trình bày:

Bà và bị đơn là ông Nguyễn T chung sống với nhau vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T thường xuyên bạo hành và có lời lẽ hâm dọa bà. Do bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên bà đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông T là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn D, sinh ngày 15/6/2003 và Nguyễn H, sinh ngày 04/5/1996. Bà U yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Duy và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu D hàng tháng với số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Đối với cháu H, hiện là người thành niên, tự lao động sinh sống được.

Bà U khai bà và ông T có tài sản chung nhưng không tranh chấp; bà và ông T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn là ông Nguyễn T trình bày:

Ông đồng ý và thống nhất với các nội dung mà bà U trình bày. Về quan hệ hôn nhân, ông đồng ý và cũng đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà U là vợ chồng. Về con chung, ông đồng ý để cho bà U nuôi cháu D và ông T cấp dưỡng nuôi cháu D hàng tháng với số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Đối với cháu H, hiện là người thành niên, tự lao động sinh sống được. Ông H trình bày ông không có tranh chấp về tài sản chung; ông và bà U không có nợ chung.

Do bà U và ông T không có đăng ký kết hôn nên Tòa án chỉ hòa giải về con chung và tài sản chung. Bà U và ông T cùng thống nhất việc bà U nuôi cháu D và ông T cấp dưỡng nuôi cháu D hàng tháng với số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Đối với cháu H, hiện là người thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Bà U và ông T đều không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung và thống nhất ông, bà không có nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến trình bày như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn T và bà Huỳnh U chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Tư pháp về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn T và bà Huỳnh U không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2]. *Về con chung:* Ông Nguyễn T và bà Huỳnh U có 02 người con chung là Nguyễn D, sinh ngày 15/6/2003 và Nguyễn H, sinh ngày 04/5/1996.

Ông T và bà U thỏa thuận bà U nuôi cháu D và ông H cấp dưỡng nuôi cháu D hàng tháng với số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử nhận thấy ông T và bà U đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và cũng phù hợp với ý kiến của cháu Duy nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giao cháu D cho bà U tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với cháu H hiện là người thành niên, tự lao động sinh sống được.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Hội đồng xét xử ghi nhận việc ông Nguyễn T và bà Huỳnh U không tranh chấp về tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét. Nếu sau này hai bên có tranh chấp về tài sản chung thì được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà U đã nộp là 300.000 đồng. Bà U đã nộp đủ án phí.

Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quyết định tại Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Tư pháp; các Điều 9, 14, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận ông Nguyễn T và bà Huỳnh U là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Ông Nguyễn T và bà Huỳnh U có 02 con chung là Nguyễn H, sinh ngày 04/5/1996, hiện là người thành niên, tự lao động sinh sống được, Nguyễn D, sinh ngày 15/6/2003.

Bà U được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn D. Ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D hàng tháng với số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)* cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 22/9/2017.

Ông Nguyễn T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Ghi nhận việc ông T và bà U khai không tranh chấp về tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

Nếu có tranh chấp về tài sản chung thì được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bà U phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà U đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0011920 ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm; bà U đã nộp đủ án phí.

Ông T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm do phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quyết định tại Tòa án; ông T còn phải nộp đủ số tiền này.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng